



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI
SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Bao bì Sông Đà) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bao bì - Công ty Sông Đà 12 theo Quyết định số 383/QĐ - BXD ngày 07 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000082, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 0500436570, thay đổi ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 được cấp ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 3 3 521 290

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và nhựa ; Kinh doanh vật tư.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng San	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trọng Trãi	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trọng Lợi	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Quang Thiều	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2023
Bà Phùng Thị Huyền	Thành viên độc lập	Ngày 24 tháng 4 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Minh Tuấn	Trưởng ban	Đến ngày 24 tháng 4 năm 2023
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị An	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Trãi	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trọng Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014
Ông Đỗ Văn Hách	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 8 năm 2018

Kế toán trưởng Bà Nguyễn Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Trãi - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi

Ngày 19 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150.850.870.796	160.688.879.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.037.402.085	22.285.789.520
1. Tiền	111		6.962.412.870	18.239.518.918
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.074.989.215	4.046.270.602
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.761.928.463	10.761.700.150
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	5.782.781.765	7.170.209.574
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.020.853.302)	(4.408.509.424)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	8.000.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.302.349.508	81.040.555.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	100.810.107.719	93.325.093.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		325.171.103	115.384.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.000.000.000	7.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.982.968.134	4.026.797.051
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(25.815.897.448)	(23.926.718.594)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		30.930.899.549	42.114.464.612
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.930.899.549	42.114.464.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.818.291.191	4.486.369.548
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	87.948.543	105.939.942
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.677.692.608	4.380.429.606
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	52.650.040	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.317.970.499	26.908.587.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.360.593.789	7.498.115.912
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.360.593.789	7.498.115.912
<i>Nguyên giá</i>	222		57.462.884.196	52.486.490.405
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(46.102.290.407)	(44.988.374.493)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.542.275.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	1.542.275.888
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	14.850.000.000	13.945.666.981
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.850.000.000	14.850.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.775.000.000	2.775.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.775.000.000)	(3.679.333.019)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.107.376.710	3.922.528.565
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.107.376.710	3.922.528.565
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.168.841.295	187.597.466.806

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		37.688.293.191	47.800.375.193
I. Nợ ngắn hạn	310		37.688.293.191	47.800.375.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	29.373.551.571	42.334.524.541
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.452.201.670	2.228.760.820
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.104.027.275	419.224.488
4. Phải trả người lao động	314		2.253.980.288	2.010.835.591
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		758.828	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		15.443.000	16.443.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	703.543.806	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	784.786.753	790.586.753
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.480.548.104	139.797.091.613
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	143.480.548.104	139.797.091.613
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.457.440.000	80.457.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.457.440.000	80.457.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.261.553.850	42.261.553.850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(308.195.830)	(308.195.830)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.968.643.193	11.381.893.567
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.101.106.891	6.004.400.026
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	6.004.400.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.101.106.891	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		181.168.841.295	187.597.466.806

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	214.965.688.085	257.082.321.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	24.665.000	26.760.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		214.941.023.085	257.055.561.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	190.004.153.609	233.774.318.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.936.869.476	23.281.243.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.208.714.801	2.650.048.366
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(1.434.080.009)	4.204.810.376
Trong đó: chi phí lãi vay	23		106.633.813	470.692.876
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.038.201.296	4.352.682.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.194.015.100	12.283.424.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.347.447.890	5.090.374.563
11. Thu nhập khác	31	VI.8	310.766.544	514.611.075
12. Chi phí khác	32	VI.9	68.629.039	77.604.662
13. Lợi nhuận khác	40		242.137.505	437.006.413
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.589.585.395	5.527.380.976
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.488.478.504	1.027.478.594
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.101.106.891	4.499.902.382
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.259	561
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.259	561

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.589.585.395	5.527.380.976
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	2.991.441.722	1.985.112.952
- Các khoản dự phòng	03	VI.5; VI.7	(1.402.810.287)	4.733.997.593
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4; VI.5	9.763.751	107.773.317
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.797.798.531)	(1.183.966.414)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	106.633.813	470.692.876
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.496.815.863	11.640.991.300
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.883.424.891)	3.940.526.476
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.183.565.063	194.383.607
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.453.355.267)	13.660.202.568
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(166.856.746)	500.456.271
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.387.427.809	(1.072.450.619)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(106.633.813)	(470.692.876)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.807.218.611)	(1.204.805.611)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(5.800.000)	(222.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.644.519.407	26.965.811.116
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.539.825.908)	(4.345.520.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		231.818.182	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.500.000.000	2.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.628.226.788	845.435.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		820.219.062	(8.900.084.656)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	17.214.391.380	75.236.735.461
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(16.509.695.404)	(75.278.350.328)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	(6.417.650.400)	(6.417.650.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.712.954.424)	(6.459.265.267)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(248.215.955)	11.606.461.193
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.285.789.520	10.718.575.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(171.480)	(39.247.453)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.037.402.085	22.285.789.520

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và nhựa; Kinh doanh vật tư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết là sản xuất sợi, vải dệt thoi và các sản phẩm từ nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 14.850.000.000 VND, tương đương 49,5% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 49,5%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 171 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 174 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Thành An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Thành An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó. Trường hợp không thu thập được Báo cáo tài chính nhiều năm trước, Công ty trích lập dự phòng bằng toàn bộ giá trị khoản đầu tư của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành. Chi phí sản phẩm dở dang được tính theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp, chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng tại tầng dịch vụ của dự án Tòa nhà T2- Dự án Thăng Long Victorya, chi phí được phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	381.722.569	177.710.361
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.580.690.301	18.061.808.557
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>)	15.074.989.215	4.046.270.602
Cộng	<u>22.037.402.085</u>	<u>22.285.789.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land (KHG)	2.235.795.428	1.542.702.150	(693.093.278)	1.245.589.345	320.151.750	(925.437.595)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP)	403.155.962	105.500.000	(297.655.962)	2.481.828.106	630.990.000	(1.850.838.106)
Công ty Tài chính Cổ phần điện lực (EVF)	50.491	50.491	-	896.760.383	753.066.536	(143.693.983)
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)	1.889.701.617	1.169.081.600	(720.620.017)	1.647.490.845	667.062.000	(980.428.845)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HHV)	592.242.000	464.936.850	(127.305.150)	532.062.000	211.950.000	(320.112.000)
Công ty CP tập đoàn đầu tư địa ốc No Va (NVL)	295.357.372	295.357.372	-	-	-	-
Công ty CP DAP – Vinachem (DDV)	366.478.895	184.300.000	(182.178.895)	366.478.895	178.480.000	(187.998.895)
Cộng	5.782.781.765	3.761.928.463	(2.020.853.302)	7.170.209.574	2.761.700.286	(4.408.509.424)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.408.509.424	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	4.408.509.424
Hoàn nhập dự phòng	(2.387.656.122)	-
Số cuối năm	2.020.853.302	4.408.509.424

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7%/năm. Giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2c. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	14.850.000.000	-	14.850.000.000	(904.333.019)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà ⁽ⁱ⁾	14.850.000.000	-	14.850.000.000	(904.333.019)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.775.000.000	(2.775.000.000)	2.775.000.000	(2.775.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 ⁽ⁱⁱ⁾	2.775.000.000	(2.775.000.000)	2.775.000.000	(2.775.000.000)
Cộng	17.625.000.000	(2.775.000.000)	17.625.000.000	(3.679.333.019)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001114139 thay đổi lần 3 ngày 12 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà là 30.000.000.000 VND, tương đương với 3.000.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty nắm giữ 1.485.000 cổ phiếu, tương đương với 49,5% vốn điều lệ tại Công ty này (không thay đổi so với đầu năm).
- (ii) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 với số lượng cổ phiếu sở hữu là 125.000 cổ phiếu, tương đương 2.775.000.000 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư này theo số liệu báo cáo tài chính năm 2012 do không thu thập được báo cáo tài chính các năm sau.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.679.333.019	5.316.377.222
Hoàn nhập dự phòng	(904.333.019)	(1.637.044.203)
Số cuối năm	2.775.000.000	3.679.333.019

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa cho bên liên kết	11.906.537.092	13.687.664.225
Doanh thu cho bên liên kết thuê tài sản	613.000.000	648.000.000
Thu nhập bán máy dệt cho bên liên kết	81.818.182	-
Chi phí thuê bên liên kết gia công vải dệt	7.324.059.350	10.150.754.960
Chi phí mua hàng của bên liên kết	57.800.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	4.375.342.809	3.760.499.736
Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà	4.375.342.809	3.760.499.736
Phải thu các khách hàng khác	96.434.764.910	89.564.593.437
Công ty Cổ phần Hà Phương	16.118.900.800	16.188.305.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP	20.496.735.314	14.862.310.314
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Minh	12.865.097.300	11.862.963.400
Các khách hàng khác	46.954.031.496	46.651.014.523
Cộng	100.810.107.719	93.325.093.173

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn.

Là khoản cho vay ông Nguyễn Văn Cường theo Hợp đồng cho vay vốn số 01-CT/VV ngày 20 tháng 12 năm 2021 với thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm. Phụ lục hợp đồng ký ngày 20 tháng 12 năm 2022 gia hạn thời hạn cho vay đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khoản cho vay được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 101 (NO 05- LK08) tờ bản đồ số 07, địa chỉ Khu Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.

Nghị quyết số 150/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng quản trị thông qua việc gia hạn cho vay đối với khoản cho vay từ tiền tạm thời nhàn rỗi theo Hợp đồng cho vay vốn số 01-CT/VV ngày 20 tháng 12 năm 2021. Theo đó, thời gian gia hạn từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	170.754.212	-	296.987.657	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	246.491.376	-	195.262.937	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa Chất (*)	1.290.264.001	(1.290.264.001)	2.390.264.001	(2.390.264.001)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	387.892.260	-	259.686.936	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	887.566.285	(802.000.000)	884.595.520	(802.000.000)
Cộng	2.982.968.134	(2.092.264.001)	4.026.797.051	(3.192.264.001)

(*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng ký kết từ năm 2010, dự kiến đầu tư dự án nhà máy xử lý nước thải, khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì bên B đề nghị bên A thanh toán số tiền còn lại do dự án chậm tiến độ. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất còn nợ 1.290.264.001 VNĐ.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP	(13.422.592.278)	(10.293.413.424)
Công ty TNHH Dương Hồng	(9.028.581.129)	(9.168.581.129)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	(1.290.264.001)	(2.390.264.001)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh	(102.000.000)	(102.000.000)
Ông Lê Trọng Phú	(700.000.000)	(700.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	(1.272.460.040)	(1.272.460.040)
Cộng	(25.815.897.448)	(23.926.718.594)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.926.718.594	21.964.186.222
Trích lập dự phòng bổ sung	3.129.178.854	3.142.532.372
Hoàn nhập dự phòng	(1.240.000.000)	(1.180.000.000)
Số cuối năm	25.815.897.448	23.926.718.594

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.961.138.134	-	18.190.352.030	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.164.393.816	-	10.295.090.200	-
Thành phẩm	2.126.736.655	-	5.770.706.612	-
Hàng hóa	-	-	7.858.315.770	-
Hàng gửi đi bán	678.630.944	-	-	-
Cộng	30.930.899.549	-	42.114.464.612	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	40.289.876	42.790.389
Phí mở LC	5.760.086	5.572.903
Chi phí sửa chữa tài sản	-	27.338.048
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	41.898.581	30.238.602
Cộng	87.948.543	105.939.942

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	304.425.870	387.203.111
Chi phí sửa chữa tài sản	641.096.882	258.996.489
Chi phí thuê mặt bằng (*)	3.103.261.227	3.172.997.439
Tiền thuê đất	35.050.814	39.432.014
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.541.917	63.899.512
Cộng	4.107.376.710	3.922.528.565

(*) Công ty thuê diện tích mặt bằng ô TMDV11 và ô TMDV26 trong tòa nhà T2 dự án Thăng Long Victory của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà theo Hợp đồng số TMDV11/HỆTMB- T2 và hợp đồng số TMDV26/HỆTMB- T2 ký ngày 12 tháng 12 năm 2018 để gán trừ thu hồi công nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP thời hạn thuê 49 năm theo thời hạn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.587.518.537	39.527.441.088	4.068.429.190	303.101.590	52.486.490.405
Mua trong năm	-	4.271.525.908	2.772.845.454	-	7.044.371.362
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.067.977.571)	-	-	(2.067.977.571)
Số cuối năm	8.587.518.537	41.730.989.425	6.841.274.644	303.101.590	57.462.884.196
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.430.938.757	30.046.889.474	1.765.194.372	303.101.590	38.546.124.193
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.780.086.258	33.931.897.169	2.973.289.476	303.101.590	44.988.374.493
Khấu hao trong năm	107.594.856	1.975.739.885	908.106.981	-	2.991.441.722
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.877.525.808)	-	-	(1.877.525.808)
Số cuối năm	7.887.681.114	34.030.111.246	3.881.396.457	303.101.590	46.102.290.407

Giá trị còn lại					
Số đầu năm	807.432.279	5.595.543.919	1.095.139.714	-	7.498.115.912
Số cuối kỳ	699.837.423	7.700.878.179	2.959.878.187	-	11.360.593.789

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ/ chi phí trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.254.545.454	5.726.325.908	(6.980.871.362)	-
Sửa chữa tài sản cố định	287.730.434	436.661.797	(724.392.231)	-
Cộng	1.542.275.888	6.162.987.705	(7.705.263.593)	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Lâm Anh	10.724.745.043	11.303.030.509
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài	7.808.810.106	12.000.617.156
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	3.969.000.000	3.969.000.000
Các nhà cung cấp khác	6.870.996.422	15.061.876.876
Cộng	29.373.551.571	42.334.524.541

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
STM Solution	3.063.296.790	-
Danesco AS	-	1.045.959.120
Bewi Food AS - Norway	-	976.916.200
Các khách hàng khác	388.904.880	205.885.500
Cộng	3.452.201.670	2.228.760.820

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.998.626.865	(2.998.626.865)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	289.080	(289.080)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.218.611	2.488.478.504	(1.807.218.611)	1.088.478.504	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.005.877	415.146.508	(411.603.614)	15.548.771	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	95.078.117	(147.728.157)	-	52.650.040
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	419.224.488	6.000.619.074	(5.368.466.327)	1.104.027.275	52.650.040

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.589.585.395	5.527.380.976
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(147.192.873)	(755.151.425)
- Các khoản điều chỉnh tăng	59.763.751	185.377.979
- Các khoản điều chỉnh giảm	(206.956.624)	(940.529.404)
Thu nhập tính thuế	12.442.392.522	4.772.229.551
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.488.478.504	954.445.911
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước theo Biên bản kiểm tra thuế	-	73.032.683
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.488.478.504	1.027.478.594

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Năm 2023, Công ty được giảm tiền thuê đất theo qui định tại Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	17.214.391.380	75.236.735.461
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thanh toán	(52.616.496)	41.614.867
Số tiền vay đã trả	(16.457.078.908)	(75.278.350.328)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(1.152.170)	-
Số cuối năm	<u>703.543.806</u>	<u>-</u>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo Hợp đồng số 01/2023-HĐCVHM/ NHCT320-STP ngày 21/08/2023 với hạn mức cho vay không vượt quá 40.000.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng để thanh toán các chi phí mua nhiên liệu, vật liệu, hàng hóa, trả tiền lương, nhân công và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh được xác định và điều chỉnh theo từng lần giải ngân. Thời hạn duy trì hạn mức khoản vay kể từ ngày 21/08/2023 đến hết ngày 01/08/2024, thời hạn cho vay của từng khoản Nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	790.586.753	1.013.386.753
Chi quỹ	(5.800.000)	(222.800.000)
Số cuối năm	<u>784.786.753</u>	<u>790.586.753</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	80.457.440.000	42.261.553.850	(308.195.830)	11.381.893.567	7.922.148.044	141.714.839.631
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.499.902.382	4.499.902.382
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.417.650.400)	(6.417.650.400)
Số dư cuối năm trước	80.457.440.000	42.261.553.850	(308.195.830)	11.381.893.567	6.004.400.026	139.797.091.613
Số dư đầu năm nay	80.457.440.000	42.261.553.850	(308.195.830)	11.381.893.567	6.004.400.026	139.797.091.613
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	10.101.106.891	10.101.106.891
Tặng/Giảm khác (*)	-	-	-	(413.250.374)	413.250.374	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.417.650.400)	(6.417.650.400)
Số dư cuối năm nay	80.457.440.000	42.261.553.850	(308.195.830)	10.968.643.193	10.101.106.891	143.480.548.104

(*) Là khoản điều chuyển giảm Quỹ đầu tư phát triển, tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80.457.440.000	80.457.440.000
Thặng dư vốn cổ phần	42.261.553.850	42.261.553.850
Cổ phiếu quỹ	(308.195.830)	(308.195.830)
Cộng	122.410.798.020	122.410.798.020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.045.744	8.045.744
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng	8.045.744	8.045.744
- Cổ phiếu phổ thông	8.045.744	8.045.744
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23.681	23.681
- Cổ phiếu phổ thông	23.681	23.681
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.022.063	8.022.063
- Cổ phiếu phổ thông	8.022.063	8.022.063
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2023 như sau:

Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt : 6.417.650.400 VND

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 236,78 USD và 5.475,43 RUB (số đầu năm là 254.782,43 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	26.671.269.890	33.627.209.271
Doanh thu bán thành phẩm	187.453.957.287	222.471.134.583
Doanh thu cung cấp dịch vụ	722.090.908	757.090.908
Doanh thu bán phế liệu	118.370.000	226.887.000
Cộng	<u>214.965.688.085</u>	<u>257.082.321.762</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, công ty không phát sinh giao dịch mua bán với các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.619.326.261	33.837.266.382
Giá vốn của thành phẩm đã bán	162.814.734.618	199.335.217.188
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	570.092.730	601.834.692
Cộng	<u>190.004.153.609</u>	<u>233.774.318.262</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng	1.741.659.126	1.090.531.117
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	132.785.108	1.103.564.944
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	314.870.567	455.748.225
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.400.000	-
Doanh thu tài chính khác	-	204.080
Cộng	<u>2.208.714.801</u>	<u>2.650.048.366</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	106.633.813	470.692.876
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	1.565.203.144	22.771.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	172.114.496	824.130.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.763.751	107.773.317
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.291.989.141)	2.771.465.221
Chi phí tài chính khác	4.193.928	7.976.478
Cộng	<u>(1.434.080.009)</u>	<u>4.204.810.376</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	362.024.885	477.659.479
Chi phí khấu hao TSCĐ	124.920.271	136.276.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.003.112.426	3.257.201.758
Chi phí bằng tiền khác	548.143.714	481.544.842
Cộng	<u>4.038.201.296</u>	<u>4.352.682.747</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.406.630.450	6.882.065.500
Chi phí vật liệu quản lý	404.221.479	333.005.322
Chi phí đồ dùng văn phòng	196.523.078	202.595.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	768.719.061	411.475.524
Thuế, phí và lệ phí	167.108.210	187.297.588
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.889.178.854	1.962.532.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.468.147.730	1.054.630.400
Các chi phí khác	893.486.238	1.249.821.480
Cộng	<u>12.194.015.100</u>	<u>12.283.424.180</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	41.366.419	100.000.000
Tiền thu phạt quy chế công ty	19.400.125	24.611.075
Thu nhập khác	250.000.000	390.000.000
Cộng	310.766.544	514.611.075

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	48.000.000	48.000.000
Phạt vi phạm về thuế, PCCC	2.000.000	29.604.662
Chi phí khác	18.629.039	-
Cộng	68.629.039	77.604.662

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước ⁽ⁱ⁾
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.101.106.891	4.499.902.382
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.101.106.891	4.499.902.382
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.022.063	8.022.063
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.259	561

(i) Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do giảm số đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (Năm 2023 đơn vị không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022). Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước tăng từ 527 VND lên 561 VND.

Đơn vị chưa giảm trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi tính chỉ tiêu Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm nay do chưa có đủ cơ sở để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.721.308.814	174.803.128.592
Chi phí nhân công	25.412.386.980	24.509.842.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.991.441.722	1.985.112.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.455.485.222	12.614.716.791
Chi phí khác	3.940.385.422	4.233.814.371
Cộng	181.521.008.160	218.146.614.901

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ bao gồm giao dịch về chi trả cổ tức với các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 935.138.400 VND (năm trước là 935.138.400 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Lương và các khoản phụ cấp	Thù lao	Tổng thu nhập
Năm nay				
Nguyễn Trọng San	Chủ tịch HĐQT	371.059.091	-	371.059.091
Nguyễn Trọng Trãi	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	346.022.274	48.000.000	394.022.274
Nguyễn Trọng Lợi	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	296.603.956	48.000.000	344.603.956
Phùng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	2.000.000	48.000.000	50.000.000
Nguyễn Quang Thiều	Thành viên HĐQT	265.318.029	48.000.000	313.318.029
Đỗ Văn Hách	Phó Tổng giám đốc	303.632.795	-	303.632.795
Nguyễn Hồng Minh	Kế toán trưởng	261.952.136	-	261.952.136
	Cộng	1.846.588.281	192.000.000	2.038.588.281
		Lương và các khoản phụ cấp	Thù lao	Tổng thu nhập
Năm trước				
Nguyễn Trọng San	Chủ tịch HĐQT	371.863.092	-	371.863.092
Nguyễn Trọng Trãi	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	383.714.836	48.000.000	431.714.836
Nguyễn Trọng Lợi	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	346.220.573	48.000.000	394.220.573
Phùng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Quang Thiều	Thành viên HĐQT	275.723.269	48.000.000	323.723.269
Đỗ Văn Hách	Phó Tổng giám đốc	279.295.061	-	279.295.061
Nguyễn Hồng Minh	Kế toán trưởng	225.186.010	-	225.186.010
	Cộng	1.882.002.841	192.000.000	2.074.002.841

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ bao gồm Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà (Công ty liên kết).

Giao dịch và công nợ với bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3. Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại, xi măng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	187.547.662.287	27.393.360.798	214.941.023.085
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	187.547.662.287	27.393.360.798	214.941.023.085
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	24.732.927.669	203.941.807	24.936.869.476
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			16.232.216.396)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.704.653.080
Doanh thu hoạt động tài chính			2.208.714.801
Chi phí tài chính			1.434.080.009
Thu nhập khác			310.766.544
Chi phí khác			(68.629.039)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.488.478.504)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			10.101.106.891
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8.051.999.502	-	8.051.999.502
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.814.221.717	-	3.814.221.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	222.671.261.583	34.384.300.179	257.055.561.762
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	222.671.261.583	34.384.300.179	257.055.561.762
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.336.044.395	(54.800.895)	23.281.243.500
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(16.636.106.927)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.645.136.573
Doanh thu hoạt động tài chính			2.650.048.366
Chi phí tài chính			(4.204.810.376)
Thu nhập khác			514.611.075
Chi phí khác			(77.604.662)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.027.478.594)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.499.902.382
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.829.870.663		4.829.870.663
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.736.975.143		2.736.975.143

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	94.602.252.578	30.203.947.387	124.806.199.965
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			56.362.641.330
Tổng tài sản			181.168.841.295
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	32.825.753.241		32.825.753.241
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.862.539.950
Tổng nợ phải trả			37.688.293.191
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	91.044.276.455	31.889.207.213	122.933.483.668
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			64.663.983.138
Tổng tài sản			187.597.466.806
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	44.563.285.361	-	44.563.285.361
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3.237.089.832
Tổng nợ phải trả			47.800.375.193

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty bao gồm cung cấp hàng hóa, thành phẩm cho các khách hàng trong nước và ngoài nước. Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	167.756.443.676	211.850.247.015
Khu vực nước ngoài	47.184.579.409	45.205.314.747
Cộng	214.941.023.085	257.055.561.762

Các chi phí mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận phát sinh tại khu vực trong nước.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi